

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2018/HS-PT

Ngày 28/11/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 369/2018/TLPT-HS ngày 12/11/2018 đối với bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Văn T (Tên khác: Trần Văn Q, Tr), sinh năm 1988 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D (Đã chết) và bà Hoàng Thị Kim N, sinh năm 1968; có vợ Trần Thị Th, sinh năm 1986 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại bản án số 107/2012/HSST ngày 24/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 07/4/2013 bị cáo chấp hành án xong.

- Tại bản án số 09/2013/HSST ngày 26/4/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 07/02/2014 bị cáo chấp hành án xong, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/7/2018, hiện đang bị tạm giam - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 01/7/2018, Trần Văn T đi bộ ngang qua nhà bà LN ở Buôn K, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì phát hiện xe mô tô biển số 47M1-272.66 của chị TB để ở sân không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T lén lút đi vào lấy xe rồi chạy lên nhà bạn là anh Trần Văn C ở số V Lê Đức T, thành phố B chơi. Sau đó, T mượn anh C 2.000.000 đồng rồi để xe mô tô lại và đi về nhà.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-ĐG ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K, kết luận: Xe mô tô biển số 47M1-272.66 trị giá 13.500.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 47M1-272.66. Ngày 29/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả cho chủ sở hữu là anh Y B (Chồng của chị H'T).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T (Tên khác: Trần Văn Q, Tr) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/7/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2018, bị cáo Trần Văn T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ. Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất,

mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tuyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về phần hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ pháp lý kết luận: Vào khoảng 16 giờ ngày 01/7/2018, bị cáo Trần Văn T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển số 47M1-272.66 của chị TB tại Buôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá trị tài sản do bị cáo trộm cắp được xác định là 13.500.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bởi lẽ hành vi của bị cáo không những xâm hại đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Tại bản án số 107/2012/HSST ngày 24/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tại bản án số 09/2013/HSST ngày 26/4/2013 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T: Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc về phần hình phạt.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/7/2018.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phụng

